

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2023.
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang không tham gia.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 439/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị A, sinh năm: 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành P, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị A trình bày:

Chị với anh P quen biết, yêu thương và được hai bên gia đình đồng ý nên anh chị tổ chức lễ cưới đầu năm 2001 nhưng đến tháng 05/2005 thì vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có bốn con chung tên Nguyễn Thị Cẩm H, sinh ngày 23/12/2001, Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 29/9/2004, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 29/9/2015 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 22/9/2018. Hiện nay, con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Tuấn K đang do chị nuôi dưỡng; riêng Nguyễn Thị Cẩm H và Nguyễn Thị Cẩm D đã thành niên.

Sau thời gian chung sống, vợ chồng chị và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh P nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành P.
- Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 29/9/2015 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 22/9/2018, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Nguyễn Thành P trình bày:

Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án) cho bị đơn anh Nguyễn Thành P, nhưng bị đơn anh P không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Thành P vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thành P đã Toà án thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án) trực tiếp cho bị đơn anh Nguyễn Thành P nhưng bị đơn anh Nguyễn Thành P vắng mặt, không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị A và bị đơn anh Nguyễn Thành P.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị A thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Thành P có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Thành P đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện H cấp chứng nhận kết hôn tháng 05/2005 nên căn cứ vào các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Thành P là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị A xác định: Nguyên nhân dẫn đến yêu cầu xin ly hôn của anh là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Cho nên, anh chị đã ly thân hơn một năm nay và chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành P.

Trong khi đó, anh Nguyễn Thành P mặc dù đã được Tòa án trực tiếp thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Bùi Thị A; thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, anh Nguyễn Thành P không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị A. Điều này cho thấy, anh Nguyễn Thành P không quan tâm và không mong muốn hòa giải về quan hệ hôn nhân với chị Bùi Thị A nên vợ chồng

không có khả năng đoàn tụ. Cho nên, căn cứ Điều 85, Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì yêu cầu xin ly hôn của chị A có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Thanh P có bốn con chung tên Nguyễn Thị Cẩm H, sinh ngày 23/12/2001, Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 29/9/2004, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 29/9/2015 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 22/9/2018. Xét thấy, hai con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Tuấn K hiện đang do chị A trực tiếp nuôi dưỡng nên chị A yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh P đã được Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của chị A nhưng anh P không có ý kiến, yêu cầu phản đối với yêu cầu xin nuôi con của chị A. Đồng thời, từ trước đến nay con chung tên Cẩm T, Tuấn K sống chung với nhau và đều do chị A trực tiếp nuôi dưỡng nên cần thiết phải giao con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, Nguyễn Tuấn K cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Riêng các con chung tên Nguyễn Thị Cẩm H, sinh ngày 23/12/2001, Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 29/9/2004 đã thành niên nên chị A không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh P không cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Thanh P không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 9, 11, 12, 13, 14, 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Thành P.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 29/9/2015 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 22/9/2018 cho chị Bùi Thị A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và anh Nguyễn Thành P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị A không yêu cầu anh Nguyễn Thành P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thành P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Nguyễn Thành P thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Thành P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Bùi Thị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị Bùi Thị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004185 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Chị Bùi Thị A và anh Nguyễn Thành P vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Tú Quỳnh

